

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:

ĐỀ THI GỒM 80 CÂU (TỪ CÂU 1 ĐẾN CÂU 80) DÀNH CHO TẤT CẢ THÍ SINH.

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau.

Câu 1: 升旗仪式开始了, _____ 的金星红旗在国歌声中慢慢升起。

- A. 脏产 B. 庄严 C. 脏严 D. 庄产

Câu 2: 不少事例证明了经济发展不平衡会拉大城乡之间的_____。

- A. 据离 B. 巨离 C. 距离 D. 居离

Câu 3: 多年来, 河内的_____吸引了不少外国游客来观光。

- A. 名声古迹 B. 名胜古迹 C. 明声古纪 D. 明胜古记

Câu 4: 同学们, 为了明天的比赛, 我们共同_____努力, 争取拿到最好的成绩。

- A. 加倍 B. 加部 C. 加培 D. 加陪

Câu 5: 参加交通时, 为了自己和他人的安全, 我们应该_____交通规则。

- A. 遵守 B. 尊守 C. 遵首 D. 尊首

Đọc kỹ đoạn văn dưới đây và chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D), từ câu 6 đến câu 10.

“健康是福, 无病是乐”, 反映了人们谋求健康的愿望。长期以来, 在增进健康的努力中, 人们往往依赖于医生、药物或医疗设施, 较少重视自身潜能, 以致使本来可以预防或避免的疾病难以幸免, 降低了健康水平, 失去了原本可以延长的寿命。

在日常生活中, 有些人被疾病折磨了几十年, 但对自己的疾病却一无所知, 或知之甚少, 把疾病康复的全部希望和权力统统交给医生。实际上, 医生并不是疾病康复的主体, 真正的主体是病人自己。随着医学科学的发展, 人们越来越清楚地认识到, 非传染性疾病的发生与生活无规律、精神紧张、疲劳、不合理饮食、缺乏锻炼和吸烟等有着密切关系并有进一步发展的趋势。

劳动与休息相结合, 合理营养, 适量运动和消除疾病危险因素, 通过自己主观努力达到保护和促进健康的措施, 我们称它为自我保健术。谁掌握了自我保健术, 谁就掌握了健康的钥匙, 谁也掌握了驾驭健康的本领。可是, 在我们周围却有不少人, 总以为工作忙, 任务重, 自我保健顾不上。无数事实和血的教训告诉我们——增进健康只能靠自己。

Câu 6: 人们依赖于医生、药物或医疗设施可能会:

- A. 使疾病发生, 失去原本可以延长的寿命 B. 消除疾病危险因素
C. 对自己的疾病不了解 D. 掌握驾驭健康的本领

Câu 7: 作者认为:

- A. 非传染性疾病随着医学科学的发展而出现
B. 非传染性疾病与人们的生活方式无关
C. 非传染性疾病有进一步发展的趋势
D. 非传染性疾病的预防全靠医生和药物

Câu 8: 下面哪一项属于“自我保健术”:

- A. 较少重视自身潜能 B. 掌握了健康的钥匙
C. 疾病的有害因素 D. 合理的营养和运动

Câu 9: 作者认为有人不注意自我保健的理由是:

- A. 经济困难 B. 没有活动场所 C. 医药事业大发展 D. 工作繁忙

Câu 10: 这篇文章的中心意思是:

- A. 把疾病康复的全部希望和权力交给医生 B. 什么是自我保健术
C. 疾病康复的手段和方法有许多种 D. 增进健康要靠自己

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) xác định từ loại của từ gạch chân trong các câu sau.

Câu 11: 大门两旁, 一边写着“发奋图强”, 一边写着“艰苦奋斗”。

- A. 连词 B. 形容词 C. 副词 D. 名词

Câu 12: 由杨洁导演的《西游记》到目前为止是最受观众欢迎的版本。

- A. 连词 B. 动词 C. 介词 D. 名词

Câu 13: 《一万个为什么》是一本好书, 值得一读。

- A. 代词 B. 副词 C. 数词 D. 连词

Câu 14: 那几个年轻人在这项研究中积累了丰富的知识和经验。

- A. 数词 B. 介词 C. 量词 D. 名词

Câu 15: 在领导的亲切关怀下, 广告策划组的工作正在顺利进展。

- A. 副词 B. 名词 C. 形容词 D. 动词

Câu 16: 爸爸每天下班后都和儿子亲热一阵子。

- A. 形容词 B. 动词 C. 介词 D. 副词

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích từ/ cụm từ gạch chân trong các câu sau.

Câu 17: 半夜, 一个人走在山路上怪害怕的。

- A. 太 B. 挺 C. 奇怪 D. 吓人

Câu 18: 我说你这不是成心跟我过不去吗?

- A. 打算 B. 变成 C. 故意 D. 决定

Câu 19: 他虽然处事严肃, 态度却十分和蔼, 令人愿意接近。

- A. 为 B. 叫 C. 替 D. 给

Câu 20: 你把女儿培养成温室中的小花, 经不起风雨, 是害了她的。

- A. 艰苦 B. 烦恼 C. 富裕 D. 幸福

Câu 21: 老人家近来的生意做得怎么样?

- A. 买卖 B. 意思 C. 生产 D. 意图

Câu 22: 谁也不比谁差, 给我个机会, 让我试试吧。

- A. 我不比别人强 B. 大家都差不多 C. 我比别人强 D. 别人比我强

Câu 23: 大家被这意外的惊喜诱惑得失去了理智。

- A. 盼望 B. 满意 C. 高明 D. 想不到

Câu 24: 生产厂家要是真心为消费者着想就能赢来他们的信任。

- A. 思考 B. 解释 C. 考虑 D. 服务

Câu 25: 在孩子的教育上我从不拔苗助长, 而是顺其自然。

- A. 按自然规律行事 B. 在大自然里成长 C. 特意安排 D. 很顺利

Câu 26: 经理把要办的事情给助理交代了一下, 就去上海了。

- A. 担任 B. 嘱咐 C. 指导 D. 解释

Câu 27: 弟弟全神贯注地看世界杯球赛直播, 小偷进屋他都不知道。

- A. 专心 B. 沉浸 C. 感兴趣 D. 好奇

Câu 28: 明天的展览会他到底去不去, 还没个准儿呢。

- A. 不太准确 B. 没有标准 C. 没有准备 D. 说不定

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) hoàn thành các câu sau.

Câu 29: “希望工程”给山区学生送来_____电脑。

- A. 十台几 B. 十台多 C. 十多台 D. 十台来

Câu 30: 那个青年不顾生命危险, _____掉进水里的孩子救了上来。

- A. 使 B. 被 C. 将 D. 往

Câu 31: 大学考试_____, 每当出门总是妈妈接送我。

- A. 左右 B. 前后 C. 内外 D. 上下

Câu 32: 地铁的出现, _____缓解大都市交通的压力, _____有利于环保。

- A. 首先……其次…… B. 尽管……仍然……
C. 既然……就…… D. 不但不……反而……

Câu 33: 导演说林林的动作还有些呆板, 感情不能_____地表达出来。

- A. 充分 B. 非常 C. 十分 D. 充足

Câu 34: 和中国人聊天_____能了解中国文化_____能提高汉语水平。

- A. 哪怕……也…… B. 不是……而是……
C. 除非……就…… D. 既……又……

Câu 35: 我家院子里有一棵桂花树, 秋天一到, 整个院子里就会飘起_____淡香味儿。

- A. 朵朵 B. 阵阵 C. 片片 D. 场场

Câu 36: 遭受了无数打击之后, 表哥_____越来越坚强了。

- A. 变得 B. 变化 C. 变成 D. 成为

Câu 37: 您工作_____忙, _____还是应该抽出时间来锻炼身体。

- A. 不论……也…… B. 固然……不过……
C. 除了……还…… D. 因为……所以……

Câu 38: 听见喊自己的名字, 小伙子_____紧张起来, 头上都冒汗了。

- A. 顿时 B. 时不时 C. 随时 D. 暂时

Câu 39: 害羞和红脸_____说是缺点, _____说是一种讨人喜欢的性格特点。

- A. 即使……也…… B. 与其……不如……
C. 宁愿……不如…… D. 不管……都……

Câu 40: 贫困地区_____怎么困难, _____要提高教师的待遇。

- A. 一方面……另一方面…… B. 不论……都……
C. 不仅……而且…… D. 因为……所以……

Câu 41: _____这个建议成为现实, _____此类成果也许会更好进入公众的视线。

- A. 或者……或者…… B. 虽然……但是……
C. 如果……那么…… D. 要不是……还是……

Câu 42: 别看他嘴上像抹了蜜似的, 心里_____真的对你好。

- A. 未必 B. 不必 C. 必定 D. 必然

Câu 43: 每天下午, 接上孩子之后, 我们都要带_____家里的小狗在街上散散步。

- A. 呢 B. 着 C. 过 D. 了

Câu 44: 海边的空气特别新鲜, 让我们全身充满_____轻松的感觉。

- A. 来着 B. 过 C. 一般 D. 了

Câu 45: 所有作业班长都做完了, _____老师说他做错了不少。

- A. 即使 B. 因为 C. 不过 D. 当然

Câu 46: 最近李明找到了一种练习发音的方法, _____的确不错。

- A. 后果 B. 结果 C. 成果 D. 效果

Câu 47: 那篇不_____的论文却被评为优秀论文。

- A. 什么 B. 怎么 C. 多么 D. 怎么样

- Câu 48:** 你们怎么了? 不就是一场电影_____, 不至于那么伤心惋惜。
A. 吧 B. 嘛 C. 呀 D. 呢
- Câu 49:** 《狮子王》动画片_____帮孩子认识野生动物世界, _____还告诉他们什么是父子之情。
A. 之所以……是因为…… B. 虽然……可是……
C. 不仅……而且…… D. 为了……而……
- Câu 50:** 她要_____姐妹们介绍简单而有效的美容、健身的经验。
A. 向 B. 以 C. 拿 D. 凭
- Câu 51:** 王涛_____认为在这一个多月的实习时间里自己的工作态度是认真的。
A. 先后 B. 始终 C. 早晚 D. 终于
- Câu 52:** 你们_____来了, _____跟我多住几天吧。
A. 不是……而是…… B. 宁可……也不……
C. 既然……就…… D. 不但……而且……
- Câu 53:** 现在大学毕业生更_____富有挑战性的工作。
A. 看到 B. 看一下 C. 重视 D. 看见
- Câu 54:** _____你成了家、有了孩子时, 就能体会到父母对孩子的爱。
A. 值 B. 趁着 C. 当 D. 从

Chọn vị trí đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho từ/ cụm từ trong ngoặc.

- Câu 55:** 现在我很忙, 请你 A 替 B 我 C 这封信 D 贴上邮票发出去。(把)
- Câu 56:** 不少人由于 A 长期不运动 B 而 C 难以 D 承受过重的负担。(使身体)
- Câu 57:** A 对孩子, 有时并不需要 B 打他, 用客观的口吻 C 简单说上几句, D 就能取得满意的效果。(往往)
- Câu 58:** 街上的汽车 A 一辆 B 跟着 C 一辆, D 像车水马龙。(简直)
- Câu 59:** 这里的天气 A 不算 B 冷了, C 冰城哈尔滨 D 一个月以前就下雪了。(早在)
- Câu 60:** 他 A 邀请 B 我们 C 参加他的毕业典礼, 我们也就 D 不好拒绝了。(再三)
- Câu 61:** A 我的肠胃 B 功能 C 总不正常, D 是在冬天。(尤其)
- Câu 62:** 老师 A 提的 B 问题其实 C 难 D 啊!(不怎么)

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau.

- Câu 63:** Phiên âm đúng của từ 融汇 là: _____ ónghuì.
A. z B. ch C. s D. r
- Câu 64:** Phiên âm đúng của từ 升空 là: _____.
A. shēngkòng B. shēngkōng C. shèngkōng D. shèngkòng
- Câu 65:** Phiên âm đúng của từ 知识面 là: _____.
A. zhīshimiàn B. zhìshīmiàn C. zhìshimiàn D. zhīshimiàn
- Câu 66:** Phiên âm đúng của từ 决赛 là: _____ uésài.
A. x B. q C. s D. j
- Câu 67:** Phiên âm đúng của từ 培训 là: péix_____.
A. ùn B. uān C. ùn D. uān
- Câu 68:** Phiên âm đúng của từ 广阔 là: guǎng_____ uò.
A. m B. h C. k D. g
- Câu 69:** Phiên âm đúng của từ 奉献 là: fèngx_____.
A. iān B. iàn C. iēn D. ièn
- Câu 70:** Phiên âm đúng của từ 蕴藏 là: yùnc_____.
A. uáng B. uán C. án D. áng

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau, từ câu 71 đến câu 80.

(71) _____办公条件的改善和电脑的普及，办公自动化、无纸化办公已经成为不少单位 (72) _____办公效率、节省成本的一种 (73) _____。然而，让人意想不到的是无纸化办公并没有减少纸制品的用量，如今，(74) _____是纸越用越多、越用越精了。

“无纸化办公”即通过电脑及网络存储传递相关的文件资料，目的 (75) _____减少纸的消耗，节约成本又有利于环保。但是9日记者在苏州一家文化用品商店了解到，现在不少企事业单位虽然都已 (76) _____了电脑化办公，但是纸的消费量却不降反升。这家商店的经理说，现在不少人对办公自动化还不 (77) _____，电脑打好的文件一定要打印 (78) _____看看效果才满意；而不断冒出来的电脑网络病毒也让不少电脑使用者感到将资料存在电脑里不安全，

(79) _____回到以前“白纸黑字”保存的老路，这样反而拉动了纸的消费。另外，现在纸的消费也是越来越高档，以往那种一般的信、稿纸购买量 (80) _____越来越少，取而代之的是白净度、厚度高得多的打印纸、复印纸等高档纸制品。

- | | | | | |
|----------------|-------|-------|-------|-------|
| Câu 71: | A. 随着 | B. 根据 | C. 因为 | D. 自从 |
| Câu 72: | A. 提高 | B. 进行 | C. 善良 | D. 改善 |
| Câu 73: | A. 样子 | B. 格式 | C. 手法 | D. 手段 |
| Câu 74: | A. 反而 | B. 并且 | C. 而且 | D. 不过 |
| Câu 75: | A. 在于 | B. 由于 | C. 确实 | D. 完全 |
| Câu 76: | A. 建设 | B. 实验 | C. 现实 | D. 实现 |
| Câu 77: | A. 练习 | B. 熟悉 | C. 解释 | D. 解决 |
| Câu 78: | A. 上来 | B. 出来 | C. 起来 | D. 进来 |
| Câu 79: | A. 仍然 | B. 忽然 | C. 可是 | D. 一直 |
| Câu 80: | A. 经常 | B. 往往 | C. 常常 | D. 已经 |

----- HẾT -----